

Nhựa LLDPE (Nhựa PE Tỷ Trọng Thấp Mạch Thẳng)

MÔ TẢ VÀ CÔNG DỤNG

Dòng nhựa Lotrène® Q2018 là dòng nhựa PE Tỷ Trọng Thấp Mạch Thẳng được sản xuất trong lò phản ứng pha khí, có dùng co-monomer butene (C4).

Dòng nhựa này dành cho các ứng dụng màng thổi và có thể được dùng ở dạng nguyên sinh hoặc phối liệu với các loại nhựa PE khác như LDPE hoặc HDPE và nhựa mPE trong gia công ép đùn đơn hoặc kết hợp để thay đổi các đặc tính màng nhựa. Dòng nhựa Lotrène® Q2018 thích hợp cho nhiều ứng dụng trong lĩnh vực đóng gói tiêu dùng, công nghiệp, thực phẩm hoặc vệ sinh như làm màng đông lạnh, túi bánh mì, túi đi chợ, cũng như màng cán và màng đóng gói đa lớp.

CHẤT PHỤ GIA

Sản phẩm	Trượt (Erucamide)(ppm)	Chống đóng khối (ppm)	Chất ổn định nhiệt
Q2018N	không	không	Có(màng
Q2018H	500	3200	thổi) Có(màng
Q2018C	không	không	thổi)

Các giá trị được nêu là các giá trị đích. Các giá trị thực tế có thể khác biệt từ lô hàng nọ sang lô hàng kia.

CÁC ĐẶC TÍNH

CÁC ĐẶC TÍNH PÔLIME	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ	PP THÍ NGHIỆM
Tỷ trọng*	0.918	g/cm ³	ASTM D-792
Chỉ số chảy (190 °C/2.16 kg)	2.0	g/10 phút	ASTMD-1238
Điểm nóng chảy tinh thể	121	°C	Nội bộ
Điểm hóa mềm Vicat	100	°C	ASTMD-1525(A120)

(*Tỷ trọng của nhựa gốc)

CÁC ĐẶC TÍNH MÀNG NHỰA	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ	PP THÍ NGHIỆM
Cường độ chịu kéo tại điểm uốn MD/TD	11/11	MPa	ASTM D-882
Cường độ chịu kéo tại điểm đứt MD/TD	35/32	MPa	ASTM D-882
Độ giãn dài tại điểm đứt MD/TD	850/900	%	ASTM D-882
Mô-đun Secant ở mức 1% MD/TD	215/245	MPa	ASTM D-882
Độ bền va đập, F 50	130	g	ASTMD-1709
Chống xé MD/TD	220/420	g	ASTM D-1922
Độ mờ	55/105	N/mm	ASTM D-1922
Độ bóng (ở 45 °)	14	%	ASTMD-1003
	55	-	ASTMD-2457

(Các đặc tính trên được đo trên màng thổi theo các thông số sau:

Trục vít 45mm, Tỷ lệ chiều dài/đường kính: 30, khe hở khuôn 2.2mm, công suất 30kg/giờ, nhiệt độ thổi 210°C, độ dày 40µm và hệ số thổi (BUR) 2.5:1)

Gia công:

Nhiệt độ ép đùn: 170-210°C

Nhiệt độ nóng chảy: 190°C

Hệ số thổi: 2:1 đến 3:1

Khe hở khuôn: >1.8mm

Dòng nhựa Lotrène® Q2018 có thể được gia công với mức công suất cao, áp lực ép đùn vừa phải, độ ổn định bong bóng và kiểm soát cỡ chuẩn tốt trên đường truyền màng thổi được thiết kế cho nhựa LLDPE.

Dòng nhựa Q2018 có thể được phối liệu với LDPE và nhựa PE khác nhằm cải thiện các đặc tính màng nhựa hoặc tính dễ gia công trên các máy ép đùn đơn hoặc kết hợp thông tin.

GIA CÔNG & BẢO QUẢN

Các sản phẩm nhựa PE cần được bảo quản trong bao bì gốc hoặc trong các tháp đựng sạch sẽ, phù hợp.

Các sản phẩm cần được bảo quản ở nơi khô ráo, thông gió tốt và không được tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và/hoặc nhiệt dưới bất kỳ dạng nào vì điều này có thể ảnh hưởng xấu tới các đặc tính của sản phẩm.

Theo nguyên tắc chung, không nên bảo quản các sản phẩm của chúng tôi quá ba tháng kể từ ngày nhận hàng.

AN TOÀN

Trong các điều kiện thông thường, các sản phẩm Lotrène® không có chất độc hại qua tiếp xúc da hoặc hít vào.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin xem Bảng Chỉ Dẫn An Toàn Hóa Chất.

TIẾP XÚC THỰC PHẨM VÀ QUY ĐỊNH REACH

Các sản phẩm PE Lotrène® được sản xuất bởi Qatofin Company Ltd (Qatofin) tuân thủ luật về tiếp xúc thực phẩm của Hoa Kỳ, châu Âu, và luật khác. Các giới hạn có thể được áp dụng.

Mọi sản phẩm Lotrène của Qatofin đều tuân thủ quy định REACH 1907/2006/EC. Mục đích của quy định này nhằm cải thiện việc bảo vệ sức khỏe con người và môi trường thông qua việc xác định tốt hơn và sớm hơn các đặc tính nội tại của các chất hóa học.

Liên hệ với đại diện của Muntajat để có được các chứng nhận tuân thủ chi tiết.

KHÔNG PHÙ HỢP VỚI CÁC ỨNG DỤNG DƯỢC PHẨM HOẶC Y TẾ

Các sản phẩm Lotrène® không phù hợp cho các ứng dụng dược phẩm hoặc y tế.

KHƯỚC TỪ TRÁCH NHIỆM KỸ THUẬT

Các giá trị được nêu trong bảng dữ liệu kỹ thuật này là các kết quả của các thí nghiệm được thực hiện theo các quy trình thí nghiệm tiêu chuẩn trong môi trường phòng thí nghiệm. Các đặc tính thực tế có thể thay đổi tùy từng lô hàng và các điều kiện ép đùn. Do đó, những giá trị này không được dùng cho các mục đích làm thông số kỹ thuật.

Trước khi sử dụng sản phẩm này, người dùng cần biết và thận trọng khi xác định và đánh giá độ an toàn và tính phù hợp của sản phẩm khi sử dụng với mục đích cụ thể còn nghi vấn và cần tìm hiểu thêm bên cạnh việc tin cậy vào thông tin nêu trong đây vì thông tin này có thể liên quan đến bất kỳ công dụng hoặc ứng dụng cụ thể nào.

Người dùng hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo đảm việc sản phẩm phù hợp với và thông tin trong bảng dữ liệu này có thể được áp dụng cho ứng dụng cụ thể của người dùng. Muntajat không bảo đảm và tuyệt đối khước từ mọi bảo đảm, bao gồm việc bảo đảm khả năng có thể bán hàng hoặc sự phù hợp của sản phẩm cho một mục đích cụ thể, dù bằng miệng hay bằng văn bản, hiển ngôn hay ngụ ý, hoặc được cho là phát sinh từ bất kỳ việc sử dụng bất kỳ hàng hóa nào hoặc từ bất kỳ sự xử lý nào, liên quan đến việc sử dụng thông tin được nêu trong đây hoặc chính sản phẩm.

Người dùng chịu mọi rủi ro và trách nhiệm, căn cứ vào hợp đồng, sai phạm hoặc căn cứ khác, liên quan đến việc sử dụng thông tin nêu trong đây hoặc chính sản phẩm. Không dùng các thương hiệu theo bất kỳ cách thức nào trừ khi được phép bằng văn bản đồng thuận và không quyền thương hiệu hoặc giấy phép nào thuộc bất kỳ loại nào được trao theo đó, dù ngụ ý hay theo hình thức nào khác.

www.muntajat.com

Qatar Chemicals PE Film Chemical Marketing and Distribution Company (Muntajat) S.C.

Nhựa Sản Phẩm Lamin Giảu Thế Sợi Hóa Chất (Nhựa Pô-ma) (Phân Bùn)



Operated by QAPCO